

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Kim L, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Huỳnh Chí T, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022, nguyên đơn chị Mai Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Mai Kim L và anh Huỳnh Chí T kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh T đã bỏ nhà đi từ năm 2021 và đã có vợ khác; vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do không còn tình cảm với anh T nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên Huỳnh Trung Kiên, sinh ngày 12/02/1999; Huỳnh Kiên Giang, sinh ngày 18/8/2001; Huỳnh Tuấn Kiệt, sinh ngày 04/3/2004. Do các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Chí T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về các nội dung khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Kim L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Huỳnh Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Kim L và anh Huỳnh Chí T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị L xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh T bỏ nhà đi từ năm 2021 và đã có vợ khác; vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do không còn tình cảm với anh T nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về phía anh T, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh T không có mặt, điều này cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị L.

Do chị L và anh T không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L và anh T ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên Huỳnh Trung Kiên, sinh ngày 12/02/1999; Huỳnh Kiên Giang, sinh ngày 18/8/2001; Huỳnh Tuấn Kiệt, sinh ngày 04/3/2004. Do các con chung đều đã thành niên, nguyên đơn chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định giữa chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T về nợ

chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Kim L.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Kim L và anh Huỳnh Chí T.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

1. Về án phí: Chị Mai Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 11/02/2022 chị L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004380 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Mai Kim L và bị đơn anh Huỳnh Chí T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà